



Hãy nói theo cách của bạn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----)0(-----

....., Ngày tháng năm 20....

Số

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIETTEL-CA

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Pháp lệnh Bru chính viễn thông được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2002;
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2005;
- Căn cứ nghị định 26/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và Dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Căn cứ vào nhu cầu của bên sử dụng và khả năng cung cấp dịch vụ viễn thông của Công ty viễn thông Viettel(thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel).

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Gọi tắt là bên A):

Tên cơ quan/tổ chức:		
Địa chỉ giao dịch:		
Địa chỉ thanh toán:		
Số điện thoại:	Số Fax:
Số tài khoản:	Mở tại:
Mã số thuế:		
Giấy phép ĐKKD/QĐ thành lập/CMND số:do.....		cấp ngày:
Người đại diện:	Chức vụ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI - CHI NHÁNH VIETTEL
..... (Gọi tắt là Bên B):

Trụ sở chính:			
Địa chỉ giao dịch:		
Địa chỉ thanh toán:		
Số điện thoại:	Số Fax:
Số tài khoản:	12010000.254014	Mở tại:	Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN
Mã số thuế:	0100109106-011		
Giấy phép ĐKKD/QĐ thành lập/CMND số:do.....		cấp ngày:
Người đại diện:		Chức vụ:	

Sau khi thoả thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL - CA với các nội dung sau:

Điều 1: Các định nghĩa và diễn giải:

BM04.QT.03.KHDN.24

Lbh: / Ngày hiệu lực:

“Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA”: là tổ chức chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA, được gọi tắt là VIETTEL-CA. Quyền hạn và trách nhiệm của VIETTEL-CA trong hợp đồng này được hiểu là quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Viễn thông Viettel, đơn vị thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel.

“Bên cung cấp dịch vụ”: là đơn vị trực tiếp ký hợp đồng với khách hàng sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA (căn cứ theo chỉ thị số 144/CT-VTQĐ-VT do Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel ban hành ngày 13/08/2010 về việc triển khai, quản lý, kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng Viettel-CA), trên đây gọi tắt là Bên B.

“Bên sử dụng dịch vụ”: là bên ký hợp đồng sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA, trên đây gọi tắt là Bên A.

Điều 2. Nội dung công việc

1.1. Bên B cung cấp cho Bên A chứng thư số gói, thời hạn sử dụng năm.

1.2. Bên B đảm bảo cung cấp chứng thư số cho bên A với các đặc tính sau:

- Đảm bảo tính chống chối bỏ của người sử dụng chữ ký số để ký các giao dịch.
- Đảm bảo tính toàn vẹn của văn bản được ký bởi chữ ký xác thực hợp lệ.
- Chứng thư số có tính xác thực cao
- Chứng thư số có tính bảo mật cao

Điều 3. Tiên độ cung cấp dịch vụ

Bên B sẽ bàn giao chứng thư số cho Bên A trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ khi hai bên ký kết hợp đồng và Bên A hoàn thành trách nhiệm thanh toán các khoản phí cho bên B.

Điều 4. Cước phí dịch vụ

4.1. Bên A thanh toán 1 lần cho Bên B cước phí sử dụng dịch vụ trọn gói trongtháng khi đăng ký sử dụng dịch vụ.

4.2. Giá cước trọn gói trongtháng của hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%) là.....(Bằng chữ:.....)

Điều 5. Điều khoản thanh toán

Các khoản cước phí Bên A đã thanh toán cho Bên B sẽ không được Bên B hoàn trả trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng .

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

6.1. Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin có liên quan đến chứng thư của Bên A một cách trung thực, chính xác; xuất trình các giấy tờ phục vụ cho việc cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định này.

6.2. Cung cấp khóa bí mật và những thông tin cần thiết cho các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan an ninh để phục vụ việc đảm bảo an ninh quốc gia hoặc điều tra tội phạm theo quy định của pháp luật.

6.3 Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của Bên A có hiệu lực và tạm dừng.

6.4. Thông báo ngay cho bên B hoặc VIETTEL-CA nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.

6.5. Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định tại khoản 6.3 và khoản 6.4 của Điều này.

6.6. Đồng ý để VIETTEL-CA công khai thông tin về chứng thư số của Bên A trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số của VIETTEL-CA.

6.7 Khi đã cung cấp chứng thư số cho người khác với mục đích để giao dịch, Bên A được coi là đã cam kết với người nhận rằng Bên A là người nắm giữ hợp pháp khóa bí mật tương ứng với khóa công

khai trên chứng thư số và những thông tin trên chứng thư số liên quan đến Bên A là đúng sự thật, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ xuất phát từ chứng thư số đó.

6.8. Bên A có quyền yêu cầu Bên B/VIETTEL-CA cung cấp những thông tin sau:

- a) Phạm vi, giới hạn sử dụng, mức độ bảo mật, phí, lệ phí cho việc cấp và sử dụng của loại chứng thư số mà Bên A xin cấp và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của bên A
- b) Những yêu cầu để đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khoá bí mật;
- c) Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp;

6.9. Bên A có quyền yêu cầu Bên B/VIETTEL-CA tạm dừng, thu hồi lại chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.

Điều 7. Nghĩa vụ của Bên B

7.1. Hướng dẫn những thông tin sau đây cho Bên A trước khi ký hợp đồng:

- a) Giới hạn sử dụng, mức độ bảo mật, phí, lệ phí cho việc cấp và sử dụng của loại chứng thư số mà người đó xin cấp và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số;
- b) Những yêu cầu để đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khoá bí mật;
- c) Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp;

7.2. Bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu thiệt hại xảy ra là hậu quả của việc Bên B để lộ khoá bí mật của Bên A trong quá trình chuyển giao, hoặc lưu trữ khoá bí mật của Bên A sau khi Bên B đã giao khoá bí mật cho Bên A.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VIETTEL-CA

8.1. VIETTEL-CA có nghĩa vụ lưu trữ những thông tin liên quan đến Bên A một cách an toàn và chỉ được sử dụng thông tin này vào mục đích liên quan đến chứng thư số, trừ trường hợp thoả thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

8.2. Bồi thường cho Bên A trong trường hợp thiệt hại xảy ra là hậu quả của việc đưa lên chứng thư số những thông tin không chính xác so với những thông tin do Bên A đã cung cấp.

8.3. Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho thuê bao.

8.4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin trên chứng thư số của Bên A đúng như những thông tin bên A đã cung cấp khi đăng ký và ký hợp đồng.

8.5. Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin yêu cầu tạm dừng chứng thư số và yêu cầu thu hồi chứng thư số hoạt động tất cả các ngày trong năm.

8.6. Bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan trong trường hợp thiệt hại xảy ra là hậu quả của việc không tuân thủ các quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Nghị định 26/2007/NĐ-CP.

8.7. Đảm bảo lưu trữ các thông tin liên quan đến chứng thư số của Bên A trong thời hạn ít nhất là 5 năm, kể từ khi chứng thư số bị thu hồi.

8.8. Đảm bảo giữ bí mật toàn bộ quá trình tạo cặp khoá cho cặp khoá của Bên A.

8.9. Tận dụng mọi phương tiện và với nỗ lực cao nhất để thông báo cho Bên A đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp Bên B phát hiện thấy dấu hiệu khoá bí mật của Bên A đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của Bên A.

8.10. Bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu thiệt hại xảy ra là hậu quả của việc VIETTEL-CA để lộ quá trình tạo khoá, lộ khoá bí mật của Bên A trong quá trình chuyển giao, hoặc lưu trữ khoá bí mật của Bên A sau khi Bên B đã giao khoá bí mật cho Bên A.

8.11. Khi tạm dừng cấp chứng thư số mới, VIETTEL-CA phải thông báo công khai việc tạm dừng trên trang tin điện tử của mình và báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8.12. Trong thời gian tạm dừng cấp chứng thư số mới, VIETTEL-CA có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.

8.13. VIETTEL-CA phải công khai và duy trì thông tin trên trang tin điện tử của mình những thông tin sau:

- a) Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực (CP/CPS).
- b) Danh sách chứng thư số có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi của thuê bao.

8.14. VIETTEL-CA có quyền cung cấp thông tin của Bên A cho cơ quan quản lý nhà nước trong các trường hợp:

- a) Cung cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng hoặc cơ quan an ninh những thông tin cần thiết nhằm phục vụ công tác đảm bảo an ninh thông tin, điều tra phòng chống tội phạm theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật về tố tụng quy định.
- b) Trong trường hợp khẩn cấp do pháp luật về tình trạng khẩn cấp quy định hoặc để đảm bảo an ninh quốc gia, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phải thực hiện mọi nghĩa vụ hỗ trợ cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8.15. Tạm dừng cấp chứng thư số mới trong các trường hợp sau:

- a) Khi phát hiện các sai sót trong hệ thống cung cấp dịch vụ của VIETTEL-CA có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A
- b) Khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8.16. Tạm dừng dịch vụ của Bên A trong trường hợp:

Chứng thư của Bên A hết thời hạn hiệu lực mà Bên A không tiếp tục đóng phí duy trì dịch vụ.

Điều 9. Tạm ngưng dịch vụ

9.1 Dịch vụ của Bên A sẽ tạm ngưng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Khi Bên A yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được Bên B/VIETTEL-CA xác minh là chính xác;
- b) Khi Bên B/VIETTEL-CA phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của sử dụng chứng thư;
- c) Khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- d) Theo điều kiện tạm dừng chứng thư số đã được quy định trong hợp đồng giữa Bên A và Bên B

9.2. Khi có căn cứ tạm dừng chứng thư số, Bên B sẽ tiến hành tạm dừng, đồng thời ngay lập tức thông báo cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.

9.3. Chứng thư số của Bên A sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ để tạm dừng chứng thư số tại Khoản 9.1 của Điều 9 kết thúc, hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Bên A đã hết.

Điều 10. Chấm dứt và thanh lý hợp đồng

10.1. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

10.1.1. Hết thời hạn quy định tại Điều 9 dưới đây

10.1.2. Do Bên A trong khi sử dụng dịch vụ có hành vi vi phạm pháp luật, điều lệ Bru chính viễn thông, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ; không thanh toán cước phí dịch vụ như quy định tại hợp đồng này.

10.2. Thanh lý hợp đồng

Hợp đồng được coi như là tự động thanh lý khi hết thời hạn hợp đồng mà hai bên không xảy ra tranh chấp.

Điều 11. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn đến khi chứng thư số cấp cho khách hàng hết hiệu lực sử dụng.

Điều 12. Chấp nhận tuân thủ Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực (CP/CPS)

Ngoài những điều khoản về quyền nghĩa vụ các bên đã qui định tại hợp đồng này, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng còn chịu sự kiểm soát của Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực về sản phẩm (CP/CPS) phiên bản ban hành tại thời điểm ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ, hoặc phiên bản ban hành tại thời điểm gia hạn hợp đồng nếu dịch vụ tiếp tục được các bên đồng ý gia hạn.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án, nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch chính. Phán quyết của Toà án là cuối cùng và các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.

Điều 14. Điều khoản cuối cùng

- Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi.
- Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này đều phải được các bên nhất trí và lập thành bổ sung hợp đồng .
- Hợp đồng gồm 05 (năm) trang, chưa bao gồm phụ lục bảng giá cước dịch vụ, được lập làm thành 02 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**